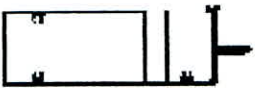
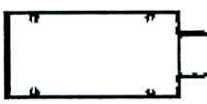

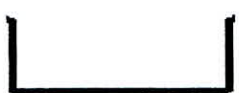
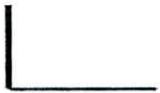
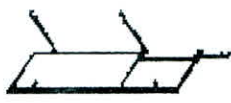

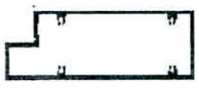








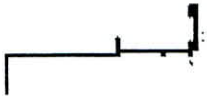
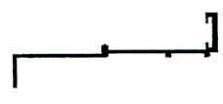


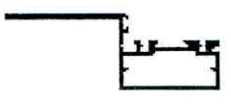
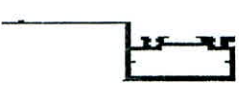
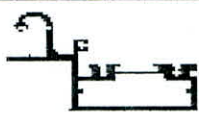

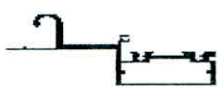



Phụ lục 2 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile  
được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD  
(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)





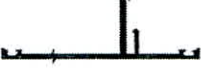


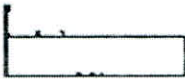
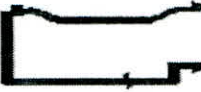
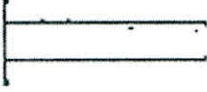

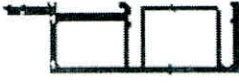
STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	TO-5X563	TO-5X563		6061-TF
2	TO-5X564	TO-5X564		6061-TF
3	TO-5X565	TO-5X565		6061-TF
4	TO-6B294	TO-6B294		6061-TF
5	TO-6B297	TO-6B297		6063-TE
6	TO-6B848	TO-6B848		6061-TF
7	TO-6B849	TO-6B849		6063-TE
8	TO-6B292	TO-6B292		6061-TF
9	TO-6B293	TO-6B293		6061-TF
10	CA-MOD01	TO-6D662		6063-TE
11	CA-MOD02	TO-6D663		6063-TE
12	CA-MOD03	TO-6D664		6063-TE



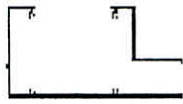


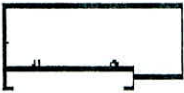








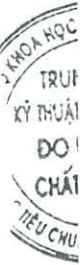
STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
13	CA-MOD04	TO-6D665		6063-TE
14	CA-MOD05	TO-6D666		6063-TE
15	CA-MOD06	TO-6D667		6063-TE
16	CA-MOD07	TO-6D668		6063-TE
17	CA-MOD08	TO-6D669		6063-TE
18	CA-MOD09	TO-6D670		6063-TE
19	CA-MOD10	TO-6D671		6063-TE
20	CA-MOD11	TO-6D672		6063-TE
21	CA-MOD13	TO-6D674		6063-TE
22	CA-MOD14	TO-6D675		6063-TE
23	CA-MOD15	TO-6D676		6063-TE
24	CA-MOD18	TO-6D679		6063-TE


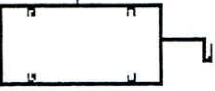

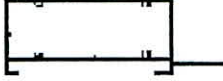





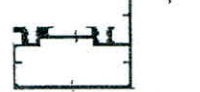

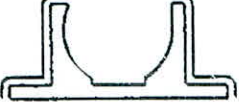
1 CC  
 3 TA  
 EUC  
 SON  
 SON  
 001

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
25	CA-MOD19	TO-6D680		6063-TE
26	CA-MOD20	TO-6D681		6063-TE
27	CA-MOD21	TO-6D682		6063-TE
28	CA-MOD23	TO-6D684		6063-TE
29	CA-MOD26	TO-6D687		6063-TE
30	CA-MOD27	TO-6D688		6063-TE
31	CA-MOD28	TO-6D689		6063-TE
32	CA-MOD29	TO-6D690		6063-TE
33	CA-MOD30	TO-6D691		6063-TE
34	CA-MOD31	TO-6D692		6063-TE
35	CA-MOD36	TO-6D697		6063-TE
36	CA-MOD37	TO-6D698		6063-TE



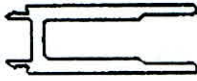
STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
37	CA-MOD38	TO-6D699		6063-TE
38	CA-MOD39	TO-6D700		6063-TE
39	CA-MOD40	TO-6D701		6063-TE
40	CA-MOD52	TO-6D713		6063-TE
41	CA-MOD57	TO-6D718		6063-TE
42	CA-MOD59	TO-6D720		6063-TE
43	CA-MOD60	TO-6D721		6063-TE
44	CA-MOD63	TO-6D724		6063-TE
45	CA-MOD64	TO-6D725		6063-TE
46	CA-MOD65	TO-6D726		6063-TE
47	CA-MOD67	TO-6D728		6063-TE
48	CA-MOD68	TO-6D729		6063-TE

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
49	CA-MOD69	TO-6D730		6063-TE
50	CA-MOD70	TO-6D731		6063-TE
51	CA-MOD71	TO-6D732		6063-TE
52	CA-MOD72	TO-6D733		6063-TE
53	CA-MOD73	TO-6D734		6063-TE
54	CA-MOD74	TO-6D735		6063-TE
55	CA-MOD75	TO-6D736		6063-TE
56	CA-MOD79	TO-6D740		6063-TE
57	CA-MOD80	TO-6D741		6063-TE
58	CA-MOD81	TO-6D742		6063-TE
59	CA-MOD82	TO-6D743		6063-TE
60	CA-MOD84	TO-6D745		6063-TE



STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
61	CA-MOD85	TO-6D746		6063-TE
62	CA-MOD87	TO-6D748		6063-TE
63	CA-MOD88	TO-6D749		6063-TE
64	CA-MOD89	TO-6D750		6063-TE
65	CA-MOD90	TO-6D751		6063-TE
66	CA-MOD99	TO-6D752		6063-TF
67	CA-MOD100	TO-6D753		6063-TF
68	CA-MOD102	TO-6D754		6063-TF
69	CA-MOD103	TO-6D755		6063-TF
70	CA-MOD106	TO-6C413		6063-TE
71	CA-MOD107	TO-6C414		6063-TF
72	TO-6F349	TO-6F349		6063-TF

104  
 AM  
 CH  
 IN  
 NG  
 200

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
73	TO-6F348	TO-6F348		6063-TE
74	TO-6F346	TO-6F346		6063-TE
75	TO-6F352	TO-6F352		6063-TE

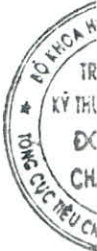
*Handwritten signature*



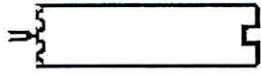
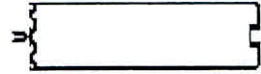
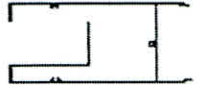
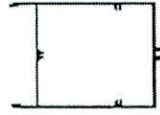

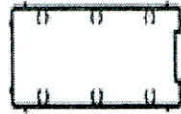





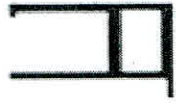




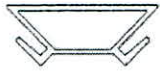
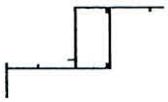

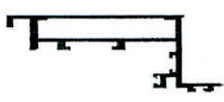
**Phụ lục 3 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile**  
**được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD**  
**(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)**

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	QUD-116	TO-5X489		6063-TE
2	QUD-118	TO-5X491A		6063-TE
3	QUD-117	TO-5X490		6063-TE
4	QUD-123	TO-6B289		6063-TE
5	QUD-124	TO-6B290		6063-TE
6	QUD-125	TO-6B291		6063-TE
7	AB01	TO-6D096A		6063-TE
8	AB02	TO-6D097		6063-TE
9	AB04	TO-6D099		6063-TE
10	AB05	TO-6D100A		6063-TE
11	AB06	TO-6D101		6063-TE
12	AB07	TO-6D102		6063-TE





STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
13	AB08	TO-6D103A		6063-TE
14	AB09	TO-6D104A		6063-TE
15	AB10	TO-6D653		6063-TE
16	AB11	TO-6D654		6063-TE
17	TLW01	TO-6F275		6063-TE
18	TLW02	TO-6F276		6063-TE
19	TLW03	TO-6F277		6063-TE
20	TLW04	TO-6F278		6063-TE
21	TLW10	TO-6F284		6063-TF
22	TLW05	TO-6F279		6063-TE
23	TLW06	TO-6F280		6063-TE
24	TLW07	TO-6F281		6063-TE

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hộp kim - cấp độ cứng
25	TLW08	TO-6F282		6063-TE
26	TLW09	TO-6F283		6063-TE
27	TLW12	TO-6F286		6063-TE
28	TLW13	TO-6F324		6063-TE
29	TLW14	TO-6F325		6063-TE
30	TLW15	TO-6F332		6063-TE



*Handwritten signature or initials.*





**Phụ lục 4 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile**  
**được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD**  
**(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)**

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	TVW-CW-101	TO-5X533C		6063-TE
2	TVW-CW-102	TO-5X534C		6063-TE
3	TVW-CW-109	TO-5X535A		6063-TE
4	TVW-CW-105	TO-5X536A		6063-TE
5	TVW-CW-103	TO-5X544B		6063-TE
6	TVW-CW-104	TO-5X545C		6063-TE
7	TVW-CW-106	TO-5X546A		6063-TE
8	TVW-CW-107	TO-5X547A		6063-TE
9	TVW-CW-108	TO-5X548A		6063-TE
10	TVW-LV-101	TO-5X537		6063-TE
11	TVW-LV-102	TO-5X539A		6063-TE

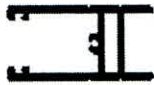

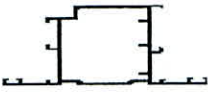
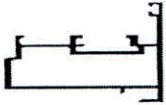
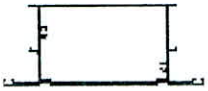
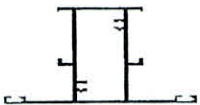

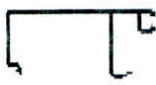
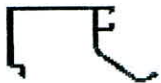
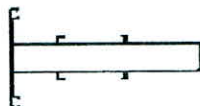

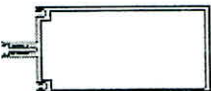


*Handwritten signature*

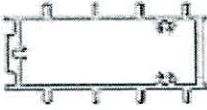



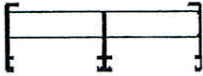
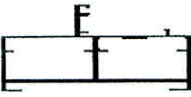
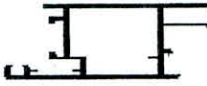

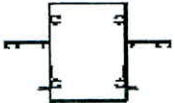






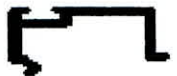



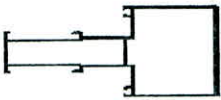
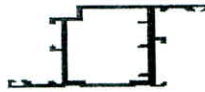


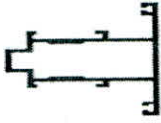


**Phụ lục 5 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile**  
**được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD**  
**(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)**

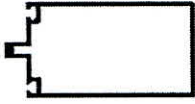
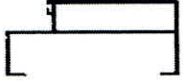



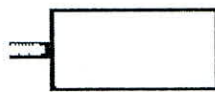
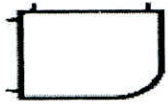



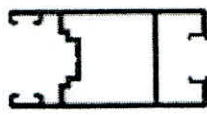
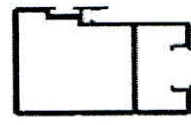
STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	D1541	TO-5S027		6063-TE
2	D1542	TO-5S028		6063-TE
3	D1543	TO-5S029		6063-TE
4	C3209	TO-5S030		6063-TE
5	C3318	TO-5S031		6063-TE
6	C3328	TO-5S032		6063-TE
7	2691-BM	TO-5S051		6063-TE
8	BMW-L60100	TO-5X488A		6063-TE
9	D1556-BM	TO-5S039		6063-TE
10	D1627-BM	TO-5S040		6063-TE
11	D1554-BM	TO-5S047		6063-TE
12	D1565-BM	TO-5S048		6063-TE

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
13	D1585-BM	TO-5S049		6063-TE
14	C3310	TO-5S041		6063-TE
15	C3303	TO-5S045		6063-TE
16	C3323	TO-5S046		6063-TE
17	C3304	TO-5S050		6063-TE
18	C3203	TO-5S044		6063-TE
19	C3202	TO-5S042		6063-TE
20	C3295	TO-5S043		6063-TE
21	BM-3286	TO-5X487		6063-TE
22	BM-3234	TO-5X503		6063-TE
23	C3208	TO-5X504		6063-TE
24	CW603	TO-5R211		6063-TE

TẠO HỌC VÀ  
 TRUNG  
 LÝ THUẬT TẾ  
 ĐO LƯỜNG  
 CHẤT LƯỢNG  
 TIÊU CHUẨN

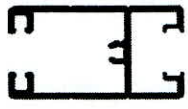
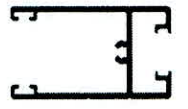
STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
25	CW604	TO-5R212		6063-TE
26	CW613	TO-5R976		6063-TE
27	CW614	TO-5R977		6063-TE
28	SD-1501B	TO-5X497		6063-TE
29	SD-1502A	TO-5X498A		6063-TE
30	CW-8401	TO-5S056		6063-TE
31	CW-8441	TO-5S058		6063-TE
32	CW-8442	TO-5S059		6063-TE
33	CW-8402	TO-5S057		6063-TE
34	FSBK-8044	TO-5X496A		6063-TE
35	SD-1503	TO-5S062		6063-TE
36	SD-1511	TO-5X499		6063-TE

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
37	SD-1513	TO-5X500		6063-TE
38	SD-1514	TO-5S066		6063-TE
39	SD-1516	TO-5X501		6063-TE
40	SD-1517	TO-5X502		6063-TE
41	BM-3300	TO-6B829		6063-TE
42	BM-3203A	TO-6B830		6063-TE
43	BM-3332	TO-6B831		6063-TE
44	BM-3329A	TO-6B832		6063-TE
45	BM-3329	TO-6B839		6063-TE
46	BM-3313	TO-6B840		6063-TE
47	BM-1548	TO-6B841		6063-TE
48	20-C011	TO-6B859		6063-TE

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
49	990	TO-6B842		6063-TE
50	20C013A	TO-6B858		6063-TE
51	445A	TO-6B843		6063-TE
52	458	TO-6B844		6063-TE
53	458A	TO-6B881		6063-TE
54	BM-1349	TO-6F334		6063-TE
55	BM-3326	TO-6F335		6063-TE
56	BM-1942B	TO-6F341		6063-TE
57	BM-E1283A	TO-6F336		6063-TE
58	BM-E192	TO-6F337		6063-TE
59	BM-1546	TO-6F338		6063-TE
60	BM-1547	TO-6F339		6063-TE

HỌC VÀ C  
 TRUNG T  
 THUẬT TI  
 ĐO LƯỜNG  
 CHẤT LƯỢNG  
 CHUẨN ĐO



STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
61	BM-1544	TO-6F342		6063-TE
62	BM-1545	TO-6F340		6063-TE



*Handwritten signature or mark.*


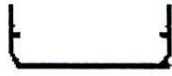


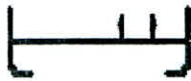

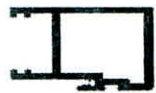









**Phụ lục 6 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile**  
**được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD**  
**(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)**

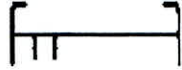
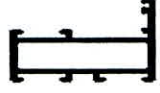




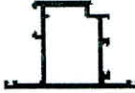

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	SKY85001	TO-6D758		6063-TE
2	SKY85002	TO-6D759		6063-TE
3	SKY85003	TO-6D760		6063-TE
4	SKY85004	TO-6D761		6063-TE
5	SKY85005	TO-6D762		6063-TE
6	SKY85006	TO-6D763		6063-TE
7	SKY85007	TO-6D764		6063-TE
8	SKY85008	TO-6D765		6063-TE
9	SKY521	TO-6D768		6063-TE
10	SKY2053	TO-6D769		6063-TE
11	SKY2685	TO-6D770		6063-TE
12	SKY015	TO-6D771		6063-TE



STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
13	SKY066	TO-6D772		6063-TE
14	SKY086	TO-6D773		6063-TE
15	SKY1541	TO-6D777		6063-TE
16	SKY1942	TO-6D778		6063-TE
17	SKY1543	TO-6D779		6063-TE
18	SKY1556	TO-6D780		6063-TE
19	SKY1557	TO-6D781		6063-TE
20	SKY1554	TO-6D782		6063-TE
21	SKY1585	TO-6D783		6063-TE
22	SKY85009	TO-6D766		6063-TE
23	SKY3211	TO-6D774		6063-TE
24	SKY3212	TO-6D775		6063-TE

VÀ CÔNG  
 NG TÂM  
 TIÊU CHU  
 LƯỢNG  
 ÁT LƯỢNG  
 QUẢN ĐO



STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
25	SKY3213	TO-6D776		6063-TE
26	SKY3209	TO-6D787		6063-TE
27	SKY3236	TO-6D788		6063-TE
28	SKY3329	TO-6D790		6063-TE
29	SKY3300	TO-6D789		6063-TE
30	SKY3328	TO-6D784		6063-TE
31	SKY3303	TO-6D785		6063-TE
32	SKY3304	TO-6D786		6063-TE



*Handwritten signature*